

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2021/DS-ST

Ngày: 03-8-2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Lưu Văn Đề.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị XuY - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 03 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 60/2021/TLST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định định đưa vụ án ra xét xử số 94/2021/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Y, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ A, thị trấn B, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ninh - Luật sư của Văn phòng Luật sư Minh Đức - thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1966; địa chỉ: Xóm Nguyễn Phú, xã Hải Tân, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa có mặt Luật sư Phạm Thị Ninh, ông Đ; vắng mặt bà Y có lý do);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05-6-2021, bản tự khai ngày 17-6-2021 của nguyên đơn bà Trần Thị Y và quá trình tố tụng tại Tòa án, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn - bà Phạm Thị Ninh trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết, ông Phạm Văn Đ có hỏi bà Trần Thị Y nhờ vay tiền giúp để làm ăn kinh doanh. Vì quen biết nên bà Y tin tưởng, ngày 22-4-2016 (tức ngày 16-3-2016 âm lịch) tại gia đình bà Y, bà Y đã giao cho ông Đ vay số tiền 100.000.000đ, mức lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng. Hai bên

thống nhất khi nào bà Y cần thu hồi nợ thì thông báo cho ông Đ trước 15 ngày, ông Đ phải trả cả gốc và lãi cho bà Y. Ông Đ có đưa cho bà Y giữ một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính đứng tên vợ chồng ông Phạm Văn Đ, bà Trần Thị T để đặt niềm tin. Sau khi nhận đủ tiền vay 100.000.000đ, ông Đ đã viết giấy biên nhận vay tiền ngày 22-4-2016 giao cho bà Y giữ.

Sau khi vay tiền của bà Y, ông Đ lại đi miền Nam làm ăn đến năm 2019 mới về quê. Bà Y đã gặp ông Đ nhiều lần yêu cầu ông Đ trả nợ cho bà Y nhưng ông Đ khất lần, cố tình trốn tránh trách nhiệm trả nợ và đến nay cũng chưa trả cho bà Y được khoản gốc và lãi nào. Nay bà Y đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Văn Đ phải thanh toán trả nợ cho bà Y số tiền nợ gốc 100.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 18-6-2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Phạm Văn Đ trình bày: Ông Đ công nhận có mối quan hệ quen biết với bà Y như bà Y trình bày. Bà Y có kinh doanh ghi sổ lô, sổ đề nên ông Đ có nhu cầu ghi sổ lô sổ đề của bà Y nhưng ông Đ không có tiền mặt để ghi. Ông Đ và bà Y thỏa thuận: Ngày 22-4-2016, ông Đ ghi giấy vay nợ số tiền 100.000.000đ cho bà Y giữ để làm tin nhưng thực tế ông Đ không được nhận số tiền mặt 100.000.000đ từ bà Y mà chỉ ghi nợ để ông Đ ghi sổ lô, sổ đề sau đó trừ dần vào số tiền ông đã ghi nợ 100.000.000đ với bà Y. Sau khi ghi giấy nhận nợ ngày 22-4-2016 cho bà Y giữ, ông Đ không ghi sổ lô, sổ đề của bà Y lần nào nên ông chưa nợ tiền gì của bà Y nhưng do sơ suất ông Đ cũng không yêu cầu bà Y hủy giấy biên nhận vay tiền ngày 22-4-2016. Việc ông Đ ghi giấy nhận nợ ngày 22-4-2016 cho bà Y như trên không có ai làm chứng, chỉ có ông Đ và bà Y biết về việc thỏa thuận này. Ông Đ đã tự nguyện đem 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính mang tên vợ chồng ông Phạm Văn Đ, bà Trần Thị T đưa cho bà Y giữ làm tin. Ông Đ công nhận giấy biên nhận vay tiền ngày 22-4-2016 bà Y nộp bản chính cho Tòa án đúng là chữ viết và chữ ký của ông Đ. Việc ông Đ ghi giấy biên nhận vay tiền ngày 22-4-2016 và đưa cho bà Y giữ một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng ông Phạm Văn Đ, bà Trần Thị T thì bà T vợ ông Đ không biết, không liên quan đến bà T.

Nay bà Y khởi kiện đòi nợ ông Đ số tiền vay gốc 100.000.000đ theo giấy biên nhận vay tiền ngày 22-4-2016, ông Đ không chấp nhận. Vì thực tế ông Đ không được nhận tiền mặt 100.000.000đ từ bà Y.

Tại phiên tòa:

Luật sư Phạm Thị Ninh, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Ông Phạm Văn Đ cũng giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định pháp luật về việc ông đã đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng ông Phạm Văn Đ và Trần Thị T cho bà Y.

Bà Y vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt cũng giữ nguyên ý kiến như đã nêu ở trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản, Quyết định tố tụng cho các đương sự, nguyên đơn bà Trần Thị Y vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Y là phù hợp với khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Xét hợp đồng vay tài sản giữa bà Trần Thị Y và ông Phạm Văn Đ lập ngày 22-4-2016 và lời khai của các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, có đủ cơ sở xác định ngày 22-4-2016, ông Phạm Văn Đ có vay số tiền 100.000.000đ của bà Trần Thị Y là sự việc có thật và phù hợp pháp luật. Việc vay nợ giữa ông Phạm Văn Đ và bà Trần Thị Y được chứng minh bằng giấy biên nhận vay tiền ngày 22-4-2016 (tức ngày 16-3-2016 âm lịch) do chính ông Đ viết và ký phần người vay và đưa cho bà Y giữ. Mặt khác, tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Đ đều công nhận giấy biên nhận vay tiền ngày 22-4-2016 mà bà Y đã nộp bản chính cho Tòa án đúng là chữ viết, chữ ký của ông. Tuy nhiên, ông Đ không công nhận việc đã được nhận số tiền mặt 100.000.000đ từ bà Y giao. Ông Đ cho rằng ông chỉ viết giấy vay nợ số tiền 100.000.000đ cho bà Y giữ để bà Y tin tưởng cho ông ghi sổ lô, sổ đề sẽ trừ nợ dần vào số tiền 100.000.000đ đã nhận nợ với bà Y. Nhưng sau đó ông Đ không ghi sổ lô, sổ đề của bà Y lần nào nên ông khẳng định không có vay nợ gì của bà Y. Tuy nhiên, đến nay ông Đ không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho việc ông Đ chưa được nhận số tiền mặt 100.000.000đ từ bà Y và cũng không có ai làm chứng cho việc ông Đ thỏa thuận với bà Y chỉ ghi giấy vay nợ 100.000.000đ cho bà Y làm tin để ông ghi sổ lô, sổ đề. Sau khi ghi giấy biên nhận vay tiền ngày 22-4-2016 cho bà Y giữ, thực tế ông Đ cũng không ghi sổ lô, sổ đề của bà Y lần nào nhưng ông Đ cũng không yêu cầu bà Y hủy giấy biên nhận vay tiền ngày 22-4-2016. Điều này chứng tỏ ông Đ cũng để mặc cho hậu quả của việc ký giấy nhận nợ khi có tranh chấp xảy ra sau này. Ngoài ra, để đảm bảo cho khoản vay thì ông Đ còn tự nguyện giao cho bà Y giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng ông Phạm Văn Đ, bà Trần Thị T. Việc bảo đảm khoản vay bằng hình thức người vay giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình mình cho người cho vay giữ làm tin thì càng thể hiện rõ việc ông Đ có giao dịch vay tiền của bà Y là sự việc có thật. Vì nếu giả thiết trường hợp ông Đ chỉ viết giấy vay cho bà Y làm tin và để ghi sổ lô sổ đề trừ nợ dần mà thực tế không nhận tiền mặt từ bà Y thì sẽ không có việc ông Đ tự nguyện giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông cho bà Y để bà Y tin cho ông Đ vay tiền và để bảo đảm cho khoản vay. Vì vậy, ý kiến của ông Đ khai không nhận số tiền mặt 100.000.000đ từ bà Y mà chỉ viết giấy biên nhận nợ để ghi sổ lô sổ đề trừ nợ dần nhưng sau đó cũng không ghi sổ lô, sổ đề

lần nào của bà Y nên không đồng ý trả nợ cho bà Y khoản nợ gốc 100.000.000đ là không có căn cứ và cơ sở để chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, đã có đủ cơ sở khẳng định việc ông Phạm Văn Đ có vay tiền của vợ bà Trần Thị Y là sự việc có thật và yêu cầu đòi nợ của bà Y là có căn cứ chấp nhận và phù hợp với quy định của Điều 166 và **Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015**.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông Đ tự nguyện đưa cho bà Y để bảo đảm việc ông Đ vay số tiền 100.000.000đ chỉ là để ông Đ khẳng định niềm tin với bà Y nên không thể khẳng định là việc ông Đ thế chấp cho bà Y để vay số tiền 100.000.000đ, nên buộc bà Y phải trả lại 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất seri số BP 715299 mang tên ông Phạm Văn Đ và bà Trần Thị T đã được Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu cấp ngày 01-7-2014 cho ông Đ.

[3] *Về lãi suất*: Bà Y khai khi vay hai bên có thỏa thuận miệng về mức lãi suất là 2%/tháng nhưng bà Y không yêu cầu ông Đ phải trả lãi đối với số tiền vay gốc 100.000.000đ nên về lãi suất Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì vậy, cần buộc ông Phạm Văn Đ phải trả cho bà Trần Thị Y số tiền nợ gốc 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) là phù hợp với các Điều 166; 463; 466; 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] *Về án phí*: Buộc ông Phạm Văn Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Trần Thị Y theo quy định của pháp luật.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 166; 463; 466; 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Y kiện đòi nợ số tiền gốc 100.000.000đ đối với ông Phạm Văn Đ là hợp pháp.

2. Buộc ông Phạm Văn Đ phải có trách nhiệm trả nợ cho bà Trần Thị Y số tiền nợ gốc 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Buộc bà Trần Thị Y trả lại cho ông Phạm Văn Đ 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất se ri số BP 715299 mang tên ông Phạm Văn Đ và bà Trần Thị T đã được Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu cấp ngày 01-7-2014.

3. Án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc ông Phạm Văn Đ phải nộp 5.000.000đ (năm triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Trần Thị Y số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai số 0002663 ngày 17-6-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

4. Nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5. Quyền kháng cáo: Bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Việt Hùng

Lưu Văn Đê

Phạm Thúy Nga

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Hải Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thúy Nga